

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN CẢNH TOÀN

**NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TRONG
LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**
(TRÊN CƠ SỞ SỐ LIỆU THỰC TIỄN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK)

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐẶNG QUANG PHƯƠNG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bì	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI	6
1.1. Khái niệm nguyên tắc suy đoán vô tội	6
1.2. Vai trò và ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội.	10
1.2.1. Vai trò của nguyên tắc suy đoán vô tội	10
1.2.2. Ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội.....	21
1.3. Nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội trong Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.	23
1.3.1. Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.	23
1.3.2. Trách nhiệm chứng minh.....	28
1.3.3. Quyền chứng minh.....	34
1.3.4. Tính loại trừ.	36
Chương 2: THỰC TIỄN THI HÀNH NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TẠI TỈNH ĐẮK LẮK	39
2.1. Thực tiễn thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án tại tỉnh Đắk Lắk.	39
2.1.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn khởi tố và điều tra vụ án hình sự.....	39
2.1.2. Thực tiễn thi hành quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn khởi tố và điều tra vụ án hình sự tại tỉnh Đắk Lắk	43
2.2. Thực tiễn thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn truy tố tại tỉnh Đắk Lắk	45

2.2.1.	Quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn truy tố	45
2.2.2.	Thực tiễn thi hành quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn truy tố tại tỉnh Đắk Lắk	48
2.3.	Thực tiễn thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử tại tỉnh Đắk Lắk	51
2.3.1.	Quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm vụ án hình sự	51
2.3.2.	Thực tiễn thực hiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm tại tỉnh Đắk Lắk.	60
2.4.	Nguyên nhân của những vi phạm sai lầm	73
2.4.1	Quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội chưa đồng bộ và cụ thể.....	73
2.4.2.	Nguyên nhân khác.....	78
2.4.3.	Tổ chức bộ máy tư pháp của tỉnh Đắk Lắk chưa đáp ứng yêu cầu.....	81
2.4.4.	Trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng.....	81
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TẠI TỈNH ĐẮK LẮK		83
3.1.	Các yêu cầu về nâng cao hiệu quả thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội tại tỉnh Đắk Lắk	83
3.2.	Các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội tại tỉnh Đắk Lắk	84
3.2.1.	Giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự.....	84
3.2.2.	Giải pháp hướng dẫn thi hành thống nhất pháp luật.....	90
3.2.3.	Các giải pháp khác	96
KẾT LUẬN		99
TÀI LIỆU THAM KHẢO		101

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Pháp luật Việt Nam nói chung và Luật tố tụng hình sự đều tôn trọng và bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền công dân. Việc bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự đang là vấn đề được đặt ra cấp thiết.

Đắk Lắk là tỉnh có dân số gần 1.771.800 người, 13 tôn giáo khác nhau; 47 dân tộc cùng người nước ngoài sinh sống. Về cơ bản, các giai đoạn khởi tố, điều tra; truy tố; xét xử các vụ án hình sự tại tỉnh Đắk Lắk đều thực hiện trên nội dung cơ bản của nguyên tắc “Suy đoán vô tội”. Tuy nhiên có những lúc, những nơi nguyên tắc suy đoán vô tội chưa được tuân thủ nghiêm chỉnh và đầy đủ. Việc nghiên cứu nguyên tắc suy đoán vô tội trong PLTTHSVN là một đòi hỏi cần thiết. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài **“Nguyên tắc suy đoán vô tội trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)** làm Luận văn tốt nghiệp của mình với mong muốn tìm hiểu rõ hơn về nguyên tắc đặc thù này của pháp luật tố tụng hình sự, qua đó làm rõ những điểm còn bất cập trong việc áp dụng nguyên tắc này từ thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó đề xuất các giải pháp thi hành nghiêm chỉnh và hiệu quả nguyên tắc này tại tỉnh Đắk Lắk.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Đã có nhiều bài viết, những công trình nghiên cứu tìm hiểu về vấn đề này dưới nhiều góc độ, khía cạnh và quy mô khác nhau.

Trước yêu cầu bức thiết hiện nay về sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện BLTTHS năm 2003 và đặc biệt trong bối cảnh Hiến pháp năm 2013 vừa được Quốc hội khóa VIII thông qua ngày 28/11/2013 đã ghi nhận rõ hơn,

cụ thể hơn và nhiều hơn về nguyên tắc suy đoán vô tội thì việc tiếp tục nghiên cứu về nguyên tắc này sẽ khách quan, toàn diện và đầy đủ hơn. Đặc biệt là đối với tỉnh Đắk Lắk cần phải có các giải pháp hoàn thiện PLTTHS, xây dựng cơ chế bảo đảm thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội trong thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ những vấn đề lý luận về nguyên tắc suy đoán vô tội; phân tích các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với nguyên tắc suy đoán vô tội trong việc giải quyết vụ án hình sự. Kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự đối với nguyên tắc suy đoán vô tội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của nguyên tắc "Suy đoán vô tội" trong giải quyết vụ án hình sự (điều tra, truy tố, xét xử). Nguyên tắc được ghi nhận trong Hiến pháp và cần được sớm cụ thể hoá trong Bộ luật tố tụng hình sự ...

Tiếp cận, tham khảo số liệu từ các cơ quan THTT của tỉnh Đắk Lắk. Luận văn nghiên cứu thực tiễn thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội trên cơ sở số liệu tổng kết của CQĐT, VKS và TAND tỉnh Đắk Lắk từ năm 2010 đến năm 2014.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của triết học Mác – Lê nin, các quan điểm của Đảng và nhà nước ta về nhà nước và pháp luật.

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng là: phân tích, so sánh, tổng hợp, lịch sử, logic biện chứng, khảo sát... để tiếp cận và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận từ thực tiễn áp dụng của tỉnh Đắk Lắk.

6. Ý nghĩa của Luận văn

Làm rõ thêm lý luận về nguyên tắc suy đoán vô tội; những điểm chung và những đòi hỏi đặc thù trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự. Đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện nguyên tắc suy đoán vô tội; tăng cường bảo đảm nguyên tắc trong hoạt động tố tụng hình sự nói chung và hoạt động xét xử vụ án hình sự nói riêng trên tỉnh Đắk Lắk.

7. Bố cục của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương.

Chương 1. Những vấn đề chung về nguyên tắc suy đoán vô tội.

Chương 2. Thực tiễn thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội tại tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả nguyên tắc suy đoán vô tội tại tỉnh Đắk Lắk.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI

1.1. Khái niệm nguyên tắc suy đoán vô tội

Nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật TTHS là những tư tưởng chủ đạo, cơ bản, mang tính xuất phát điểm, bảo đảm người bị buộc tội được coi

là không có tội cho đến khi lỗi của họ được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

1.2. Vai trò và ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội.

1.2.1. Vai trò của nguyên tắc suy đoán vô tội

1.2.1.1. Xác định sự thật khách quan.

Nguyên tắc suy đoán vô tội còn đòi hỏi hoạt động đánh giá chứng cứ phải toàn diện và đầy đủ, phải bám sát vào các vấn đề cần phải chứng minh quy định tại điều 63 BLTTHS 2003, phải xem xét cả mặt buộc tội và gỡ tội, không được thiên về mặt nào.

1.2.1.2. Bảo đảm quyền con người.

Suy đoán vô tội không chỉ đáp ứng yêu cầu chứng minh mà còn bảo vệ được quyền của người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Hoạt động TTHS bao gồm hai nhiệm vụ. Trước hết, nó là hoạt động bảo vệ xã hội chống lại hành vi xâm hại từ phía tội phạm. Mặt khác không kém phần quan trọng là bảo vệ cá nhân người bị buộc tội chống lại sự xâm hại quyền con người từ phía công quyền.

1.2.1.3. Bảo đảm công lý.

Nguyên tắc suy đoán vô tội là sự thừa nhận chính thức của xã hội, thông qua các quy tắc pháp lý, về việc một người bị tình nghi phạm tội được coi là ngoại phạm chừng nào các bằng chứng rành rành chống lại người này chưa được cơ quan có thẩm quyền lôi ra ánh sáng.

1.2.2. Ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội

Thứ nhất, nguyên tắc suy đoán vô tội không chỉ đáp ứng yêu cầu chứng minh:

Thứ hai, nguyên tắc suy đoán vô tội còn bảo vệ được quyền của người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Suy đoán vô tội còn đem đến sự cân

bằng trong hoạt động tố tụng hình sự giữa một bên là nhà nước với bộ máy điều tra, truy tố xét xử với một bên yếu thế hơn là người bị tình nghi, bị can, bị cáo.

1.3. Nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội trong Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

1.3.1. Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Điều này cho thấy chỉ có Tòa án mới có quyền tuyên bố một người có tội và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với họ. Một người chỉ bị coi là có tội khi có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

1.3.2. Trách nhiệm chứng minh

Người bị tình nghi, bị can, bị cáo không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình. Nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng.

1.3.3. Quyền chứng minh

“Bị can, bị cáo có quyền nhưng không phải buộc chứng minh là mình vô tội” đồng nghĩa với việc nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, bị can không có nghĩa vụ chứng minh về sự vô tội của mình. Không được dùng lời nhận tội của người bị buộc tội làm chứng cứ duy nhất để kết tội.

1.3.4. Tính loại trừ.

Mọi nghi ngờ trong quá trình chứng minh tội phạm của người bị tình nghi, bị can, bị cáo nếu không được loại trừ theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định thì phải được giải thích có lợi cho người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Nếu không chứng minh làm rõ được sự nghi ngờ

thì sự nghi ngờ đối với người bị bắt giữ, bị can, bị cáo phải được giải thích để áp dụng pháp luật theo hướng có lợi cho họ.

Chương 2

THỰC TIỄN THI HÀNH NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. Thực tiễn thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án tại tỉnh Đắk Lắk.

2.1.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn khởi tố và điều tra vụ án hình sự

Điều 126 BLTTHS năm 2003 quy định: “Khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can”.

Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan THTT, trong đó việc chứng minh tội phạm của CQĐT chỉ được giới hạn trong phạm vi nhất định và nếu không chứng minh được một người phạm tội, thì CQĐT phải minh oan cho họ.

2.1.2. Thực tiễn thi hành quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn khởi tố và điều tra vụ án hình sự tại tỉnh Đắk Lắk

Thực tiễn khởi tố, điều tra trong những năm qua cho thấy còn nhiều trường hợp VKS phải ra quyết định đình chỉ vụ án vì những lý do khác nhau mà chủ yếu là do CQĐT phải ra quyết định đình chỉ vụ án không đúng như:

- Sau khi có sự kiện phạm tội xảy ra, do thỏa mãn với lời nhận tội của bị can, đồng thời không xem xét toàn diện hệ thống chứng cứ.

- Hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế. Nhưng sau khi khởi tố, điều tra không chứng minh được hành vi phạm tội.

- Áp dụng các văn bản pháp luật và giải thích pháp luật không chính xác nên dẫn đến việc khởi tố sai.

**Bảng 2.1: Thống kê số lượng án tạm đình chỉ, đình chỉ
Của Cơ quan điều tra**

	2010	2011	2012	2013	2014
Án tạm đình chỉ	185 vụ án/ 89 bị can	123 vụ án/ 78 bị can	125 vụ án/ 73 bị can	108 vụ án/ 66 bị can	111 vụ án/ 52 bị can
Án đình chỉ	47 vụ án/ 62 bị can	30 vụ án/ 32 bị can	45 vụ án/ 55 bị can	26 vụ án/ 44 bị can	35 vụ án/ 40 bị can

Nguồn [45, 46, 47, 48, 49]

2.2. Thực tiễn thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn truy tố tại tỉnh Đắk Lắk

2.2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn truy tố

BLTTHS năm 2003 quy định quyền hạn, trách nhiệm và thủ tục truy tố người bị buộc tội đối với VKS một cách chặt chẽ nhằm đảm bảo việc xử lý tội phạm một cách khách quan, triệt để đồng thời bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội.

2.2.2. Thực tiễn thi hành quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn truy tố tại tỉnh Đắk Lắk

Trong nhiều trường hợp, để kéo dài thời hạn điều tra khi hết hạn điều tra. Việc nghiên cứu vụ án và xác định tội danh để truy tố của VKS trong giai đoạn truy tố trong một số trường hợp còn thiếu khách quan, sai sót, không căn cứ vào những chứng cứ khách quan, không căn cứ vào kết quả điều tra của CQĐT; hoặc lại căn cứ vào những bằng chứng không xác thực dẫn đến việc truy tố sai, xác định tội danh nặng hơn cho bị can.

VKS còn nhiều vi phạm về thủ tục tố tụng trong giai đoạn truy tố, gây bất lợi hoặc xâm hại quyền lợi hợp pháp của bị can như: trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung không có căn cứ, trả hồ sơ quá hai lần trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng nêu rõ các vấn đề cần phải điều tra bổ sung; có trường hợp đủ điều kiện truy tố thì lại quyết định trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung.

**Bảng 2.2: Thống kê số lượng án tạm đình chỉ, đình chỉ
Của Viện kiểm sát**

	2010	2011	2012	2013	2014
Án tạm đình chỉ	1 vụ án/ 1 bị can	1 vụ án/ 1 bị can	1 vụ án/ 1 bị can	1 vụ án/ 2 bị can	2 vụ án/ 2 bị can
Án đình chỉ	34 vụ án/ 84 bị can	32 vụ án/ 39 bị can	22 vụ án/ 53 bị can	19 vụ án/ 29 bị can	14 vụ án/ 22 bị can

Nguồn [45, 46, 47, 48, 49]

2.3. Thực tiễn thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử tại tỉnh Đắk Lắk

2.3.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

2.3.1.1. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Để bảo đảm cho việc xét xử tại phiên tòa sơ thẩm được đúng đắn, khách quan, mọi vấn đề thuộc về nội dung vụ án đều phải được xem xét, giải quyết tại phiên tòa có căn cứ và hợp pháp theo các quy định của BLTTHS năm 2003.

- Việc xét xử phải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói và liên tục.

- Phải bảo đảm cho bị cáo có mặt tại phiên tòa, có thời gian chuẩn bị thực hiện các quyền mà BLTTHS đã quy định tại phiên tòa, chuẩn bị việc bào chữa...

2.3.1.2. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

Xét xử phúc thẩm không chỉ đơn thuần là xét xử lại vụ án mà bản án bị kháng cáo, kháng nghị mà còn là sự tiếp tục hoàn thiện của quá trình xét xử, bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. việc xét xử phúc thẩm là nhằm phát hiện, sửa chữa sai lầm nếu có của bản án sơ thẩm.

2.3.2. Thực tiễn thực hiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm tại tỉnh Đắk Lắk.

Thực tiễn áp dụng PLTTHS liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội tại tỉnh Đắk Lắk cho thấy, các cơ quan THTT, người THTT đã có nhiều cố gắng tuân thủ những quy định của nguyên tắc này, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo với tính chất là người chưa có tội.

Bảng 2.3: Thống kê công tác giải quyết, xét xử hình sự của ngành Tòa án tỉnh Đắk Lắk từ năm 2010 - 2014

	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng số	2.532 vụ	3.048 vụ án/	2.837 vụ	2.492 vụ	2.101 vụ
vụ án thụ	án/	3.835 bị cáo	án/	án/	án/

Lý	3.016 bị cáo		3.835 bị cáo	3.937 bị cáo	4.053 bị cáo
Đã giải quyết, xét xử	2.501 vụ án/ 2.872 bị cáo	2.985 vụ án/ 3.722 bị cáo	2.751 vụ án/ 3.662 bị cáo	2.441 vụ án/ 3.818 bị cáo	2.068 vụ án/ 3.959 bị cáo
Xét xử sơ thẩm	1.759 vụ án/ 1.961 bị cáo	2.142 vụ án/ 2.575 bị cáo	2.087 vụ án/ 2.747 bị cáo	1.984 vụ án/ 2.813 bị cáo	1.445 vụ án/ 2.767 bị cáo
Xét xử phúc thẩm	717 vụ án/ 849 bị cáo	807 vụ án/ 1.098 bị cáo	616 vụ án/ 852 bị cáo	415 vụ án/ 947 bị cáo	601 vụ án/ 1.121 bị cáo
GD thẩm, tái thẩm	25 vụ án/ 62 bị cáo	36 vụ án/ 49 bị cáo	48 vụ án/ 63 bị cáo	42 vụ án/ 58 bị cáo	22 vụ án/ 71 bị cáo
Miễn TNHS	0	04 bị cáo	0	02 bị cáo	01 bị cáo
Tuyên không phạm tội	01 bị cáo		05 bị cáo	08 bị cáo	

Nguồn [35, 36, 37, 38, 39]

Thể hiện nội dung này của nguyên tắc suy đoán vô tội, PLTTHS đã quy định về chế độ tạm giữ, tạm giam khác với chế độ đối với người đang chấp hành hình phạt tù như sau:

**Bảng 2.4: So sánh chế độ tạm giữ, tạm giam
và chế độ chấp hành hình phạt tù**

Stt	TIÊU CHÍ	TẠM GIỮ, TẠM GIAM	CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ
1	Quy mô giam giữ	Quy mô nhỏ, từ 50 người trở lên (Điều 6 Quy chế tạm giữ, tạm giam - Nghị định 89/1998/NĐ-CP)	Quy mô lớn, từ 2.000 đến 5.000 phạm nhân (khoản 1 Điều 5 Nghị định 117/2011/NĐ-CP)
2	Tiêu chuẩn định lượng ăn trong 01 tháng	17 kg gạo thường, 0,7kg thịt và 0,8 kg cá, 01 kg muối, 0,5 kg đường loại trung bình, 0,75 lít nước mắm, 0,1 kg bột ngọt, 15 kg rau xanh và 15 kg củi hoặc 17kg than. Được sử dụng quà của gia đình, thân nhân để ăn thêm nhưng không được quá 3 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường. (Điều 1 Nghị định 09/2011/NĐ-CP).	17 kg gạo tẻ thường; 0,7 kg thịt; 0,8 kg cá; 0,5 kg đường loại trung bình; 01 kg muối; 15 kg rau xanh; 0,75 lít nước mắm; 0,1 kg bột ngọt; 17 kg củi hoặc 15 kg than. Được sử dụng quà, tiền của mình để ăn thêm nhưng không được quá 3 lần định lượng trong 01 tháng. (khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định 117/2011/NĐ-CP)
3	Chế độ ăn ngày lễ, tết	Ngày lễ, ngày tết được ăn thêm không quá 5 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường. (điều 1 Nghị định 09/2011/NĐCP).	Ngày Tết Nguyên đán, Tết Dương lịch, Giỗ tổ Hùng Vương và các ngày lễ được ăn gấp 5 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường. (khoản 1 Điều 8 Nghị định 117/2011/NĐ-CP)

4	Phục vụ ăn	Do phân trại quản lý phạm nhân phục vụ nấu ăn, đưa cơm (khoản 3 Điều 15, sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Nghị định 98/2002/NĐ-CP)	Do bếp ăn tập thể của phân trại giam phục vụ việc nấu ăn, đun nước uống và chia khẩu phần ăn cho phạm nhân. (khoản 4 Điều 8 Nghị định 117/2011/NĐ-CP).
5	Chế độ mặc	Được sử dụng quần áo, chăn, chiếu, màn của cá nhân. Hàng tháng được cấp 0,2 kg xà phòng giặt, 2 tháng được cấp 1 khăn rửa mặt. Người bị tạm giữ, tạm giam là nữ được cấp thêm một số tiền để mua những đồ dùng cần thiết cho vệ sinh phụ nữ. (khoản 3 Điều 26 Quy chế tạm giữ, tạm giam - Nghị định 89/1998/NĐ-CP)	Mỗi năm: được phát 02 bộ quần áo dài, 02 bộ quần áo lót, 02 khăn mặt, 02 chiếc chiếu, 02 đôi dép, 01 mũ hoặc nón, 01 áo mưa nilon; 03 bàn chải đánh răng; 600gr kem đánh răng. Mỗi tháng: được cấp 0,3 kg xà phòng giặt, phạm nhân nữ được cấp thêm đồ dùng vệ sinh cá nhân cần thiết tương đương 02 kg gạo tẻ thường. Cứ 4 năm được cấp 01 màn, 01 chăn. (khoản 4 Điều 10 Nghị định 117/2011/NĐ-CP).
6	Hoạt động văn hóa nghệ thuật	20 người bị tạm giữ, tạm giam được cấp một số báo Nhân dân hoặc báo địa phương; được nghe Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, đài phát thanh hoặc truyền thanh địa phương.	Buồng giam tập thể dưới 30 phạm nhân được trang bị 01 Tivi màu 21 inch trở lên; 30 phạm nhân được phát 01 tờ báo Nhân dân. (khoản 2 Điều 12 Nghị định 117/2011/NĐ-CP).

		(Điều 29 Quy chế tạm giữ, tạm giam - Nghị định 89/1998/NĐ-CP)	
7	Chế độ lao động	Không phải quy định bắt buộc.	Được tổ chức lao động phù hợp với độ tuổi, sức khỏe; được nghỉ lao động các ngày thứ bảy, ngày chủ nhật, lễ, tết. Thời gian lao động và học tập, học nghề không quá 08 giờ trong 01 ngày. (khoản 1 Điều 29 Luật Thi hành án hình sự năm 2010).
8	Tổ chức quản lý	Bố trí theo khu vực và phân loại: Phụ nữ; người chưa thành niên; người nước ngoài; người có bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; loại côn đồ hung hãn, giết người, cướp tài sản, tái phạm nguy hiểm; người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia; người có án phạt tù chờ chuyển đi Trại giam. (khoản 1 Điều 15 quy chế tạm giữ, tạm giam - Nghị định 89/1998/NĐ-CP).	Phân loại phạm nhân để tổ chức quản lý, giam giữ theo số lượng, tính chất tội phạm, mức án, độ tuổi, giới tính, sức khỏe, đặc điểm nhân thân của phạm nhân và yêu cầu nghiệp vụ. (khoản 2 Điều 6 Nghị định 117/2011/NĐ-CP).

Nguồn: [18, 19, 20, 21]

Thực tế giải quyết vụ án hình sự tại tỉnh Đắk Lắk trong nhiều năm qua vẫn còn tồn tại tình trạng oan sai, gây thiệt hại cho người dân, cụ thể là quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo. Mặc dù số lượng các vụ án xét xử oan sai không phải là lớn so với tổng số vụ án đã xét xử hàng năm nhưng hậu quả do các vụ oan sai để lại thì không thể xác định và khắc phục được, bởi nó liên quan đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các quyền tự do khác của con người. Do đó, vấn đề này được các cấp lãnh đạo trong ngành tư pháp và công luận hết sức quan tâm.

*** Giai đoạn xét xử sơ thẩm**

Theo thống kê của TAND tỉnh Đắk Lắk về thực hiện tiền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại Tòa án cấp tỉnh và cấp huyện cũng cho thấy, việc Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung tương đối phổ biến.

Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của ngành Tòa án tỉnh Đắk Lắk trong những năm qua cho thấy, còn nhiều điểm bất cập liên quan đến quyền của bị cáo và vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội. Cụ thể như sau:

- Thứ nhất, sai lầm trong việc định tội danh.
- Thứ hai, sai lầm trong việc xác định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng.
- Thứ ba, sai lầm trong việc căn cứ vào các giả định, phán đoán về tình tiết của vụ án hoặc các chứng cứ không xác thực.
- Thứ tư, thực tế hiện nay vẫn xảy ra tình trạng “án bỏ túi” hay “án tại hồ sơ” mà không xem xét đến chứng cứ được đưa ra tại phiên tòa.
- Thứ năm, vi phạm trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

*** Giai đoạn xét xử phúc thẩm**

Thực tiễn xét xử phúc thẩm của ngành Tòa án vẫn còn một số vi phạm liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội như:

- Thẩm phán khi xét xử phúc thẩm chưa làm hết trách nhiệm, dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng pháp luật như: xác định không đúng đơn kháng cáo, không xem xét đơn kháng cáo của các bị cáo mà lại xét đơn kháng cáo không phải là đơn của bị cáo hoặc nội dung kháng cáo vi phạm về phạm vi xét xử phúc thẩm; khi xét xử phúc thẩm, cũng không có hồ sơ vụ án... hoặc có trường hợp bị cáo và người bị hại đều kháng cáo, nhưng khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xét kháng cáo của người bị hại mà không xét kháng cáo của bị cáo...

- Thẩm phán khi xét xử phúc thẩm nhiều khi còn quá lệ thuộc vào những gì đã có trong hồ sơ vụ án đã được điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm dẫn đến việc mắc sai lầm trong giải quyết vụ án như ở cấp sơ thẩm.

- Tòa án cấp phúc thẩm trong nhiều trường hợp chưa tuân thủ quy định pháp luật về việc bổ sung, xem xét chứng cứ mới, xem nhẹ chứng cứ do người kháng cáo, người bào chữa bổ sung, cung cấp trong giai đoạn phúc thẩm.

**Bảng 2.5: Thống kê số lượng án tạm đình chỉ, đình chỉ
Của Tòa án**

	2010	2011	2012	2013	2014
Án tạm đình chỉ	1 vụ án/ 3 bị can	4 vụ án/ bị can	1 vụ án/ 1 bị can	3 vụ án/ 3 bị can	2 vụ án/ 3 bị can
Án đình chỉ	11 vụ án/ 18 bị can	8 vụ án/ 15 bị can	10 vụ án/ 20 bị can	4 vụ án/ 7 bị can	14 vụ án/ 21 bị can

Nguồn [35, 36, 37, 38, 39]

2.4. Nguyên nhân của những vi phạm sai lầm

2.4.1 Quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội chưa đồng bộ và cụ thể

Thực tiễn hoạt động lập pháp của nước ta cho thấy nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội đã không được tuân thủ triệt để và nhất quán trong hoạt động lập pháp nói chung, lập pháp TTHS nói riêng. Hiện nay, còn nhiều văn bản pháp luật chưa thật sự quán triệt được nguyên tắc suy đoán vô tội, thể hiện ở chỗ những văn bản này đã quy định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo bị hạn chế quyền công dân chỉ vì họ là người bị tạm giữ, bị can hay bị cáo.

PLTTHS nước ta không có một quy định nào cho phép người bị tạm giữ, bị can, bị cáo được im lặng hoàn toàn trong các giai đoạn tố tụng, điều này đã tạo ra cơ hội cho cơ quan THTT, người THTT vận dụng sai nguyên tắc suy đoán vô tội.

Cũng phải thừa nhận một thực tế là, do tố tụng của nước ta là tố tụng thẩm vấn, chứ không phải tố tụng tranh tụng.

2.4.2. Nguyên nhân khác

Nhận thức của cán bộ cơ quan bảo vệ pháp luật và nhân dân về nguyên tắc suy đoán vô tội tại tỉnh Đắk Lắk chưa đầy đủ.

Hiện nay, còn không ít những người THTT ở tỉnh Đắk Lắk như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán khi được phân công nhiệm vụ trong công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử dường như luôn bị chi phối bởi suy nghĩ là phải chứng minh cho được người bị tình nghi hoặc bị can, bị cáo phạm tội, chứ không phải chứng minh là họ có tội hay không.

Bên cạnh những hạn chế về nhận thức từ những người THTT thì phần lớn người dân, nhất là những người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo

đều không biết đến nguyên tắc suy đoán vô tội, đúng hơn là họ không hiểu biết, không được tiếp cận những thông tin, quy định của pháp luật liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội, mặc dù đây là của người dân, họ được quyền biết quyền và nghĩa vụ của mình như thế nào khi ở vào hoàn cảnh bị tạm giữ, tạm giam, là bị can, bị cáo.

2.4.3. Tổ chức bộ máy tư pháp của tỉnh Đắk Lắk chưa đáp ứng yêu cầu

Tổ chức bộ máy tư pháp chưa hoàn thiện, chức năng trong TTHS của các cơ quan, chủ thể chưa rõ ràng, chưa đầy đủ... chẳng hạn: việc phân định thẩm quyền hợp lý điều tra của các cấp điều tra trong Công an nhân dân; thẩm quyền điều tra của CQĐT; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra; thẩm quyền của VKS trong việc quyết định truy tố, không truy tố đối với bị can; mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong hoạt động điều tra; các chức năng trong THSS do các cơ quan nào thực hiện; .v.v...

2.4.4. Trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng

Hiện nay, còn không ít những cán bộ cơ quan bảo vệ pháp luật chưa đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ công tác như trình độ nghiệp vụ chưa được bồi dưỡng thường xuyên, trình độ chuyên môn pháp luật chưa đạt chuẩn, kỹ năng trong hoạt động THTT chưa thật nhuần nhuyễn, chuyên nghiệp, dẫn đến những yếu kém trong các quyết định của mình. Không ít những Điều tra viên do yếu kém nghiệp vụ, thiếu bản lĩnh dẫn đến việc có thể dùng nhục hình, bức cung, mớm cung đối với bị can; không ít những Kiểm sát viên khi được Luật sư đề nghị tranh luận tại phiên tòa về các chứng cứ gỡ tội mà Luật sư đưa ra để bào chữa cho bị cáo nhưng Kiểm sát viên

không đủ lý lẽ để đối đáp; hoặc có không ít Thẩm phán đã không nghiên cứu kỹ hồ sơ, xem xét các chứng cứ và lập luận (từ luật sư, bị cáo) trình bày tại phiên tòa mà chỉ dựa vào những quan điểm, chứng cứ buộc tội từ CQĐT, VKS trong hồ sơ vụ án để tuyên những bản án không thuyết phục. Bên cạnh đó là Hội thẩm nhân dân, chưa được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ theo chiều sâu, kỹ năng khi xét xử chưa được đảm bảo nên cũng ảnh hưởng đến phần nào chất lượng xét xử của Tòa án.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. Các yêu cầu về nâng cao hiệu quả thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội tại tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là tỉnh miền núi rộng lớn, trung tâm của Tây Nguyên, có nhiều dân tộc, trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức về pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao. Mặt khác, đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật nói chung, đặc biệt là các cán bộ có chức danh tư pháp trong các cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng còn thiếu và yếu.

Mặc dù những năm qua, Đắk Lắk đã có nhiều nỗ lực trong việc điều tra, truy tố, xét xử, chưa để xảy ra án oan nhưng sai sót vẫn còn do tư duy của hầu hết cán bộ có thẩm quyền khi tiến hành tố tụng từ điều tra, truy tố đến xét xử các vụ án hình sự vẫn theo hướng người bị tình nghi, bị can, bị cáo là có tội. Vì vậy, chưa đề cao nghĩa vụ, trách nhiệm chứng minh dẫn tới một số vụ việc còn làm qua loa, sơ sài như thủ tục định giá, thẩm định,

lấy lời khai, hỏi cung... nên dẫn đến việc vi phạm thủ tục tố tụng phải hủy, sửa án để điều tra, truy tố, xét xử lại vụ án.

Điều này cũng đòi hỏi những cơ quan và người tiến hành tố tụng của tỉnh Đắk Lắk phải không ngừng học hỏi, bồi dưỡng bằng cách đào tạo và đào tạo lại để nâng cao hơn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng những yêu cầu đổi mới ngày càng cao trong hoạt động cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành nguyên tắc suy đoán vô tội tại tỉnh Đắk Lắk

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự

Đây là giải pháp cho cả nước nói chung và cho tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Việc ghi nhận cụ thể, đầy đủ nguyên tắc suy đoán vô tội như là nguyên tắc cơ bản trong TTHS cũng như hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội là đòi hỏi cấp thiết của PLTTHS trong Nhà nước pháp quyền.

- Thứ nhất, ghi nhận nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc xác định sự thật của vụ án

- Thứ hai, sửa đổi, bổ sung nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự

- Thứ ba, bổ sung quy định nguyên tắc người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền giữ im lặng trong mọi giai đoạn tố tụng

- Thứ tư, quy định nguyên tắc tranh tụng

3.2.2. Giải pháp hướng dẫn thi hành thống nhất pháp luật

Cần ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định của BLTTHS nói chung và quy định liên quan đến nguyên tắc

suy đoán vô tội nói riêng để có cách áp dụng luật thống nhất, tránh tối đa những sai phạm, hạn chế thấp nhất tình trạng oan, sai, cụ thể là:

3.2.2.1. Đối với cơ quan điều tra

Hoàn thiện quy định về khởi tố bị can tại khoản 1 Điều 126 và khoản 1 Điều 127 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

3.2.2.2. Đối với Viện kiểm sát

* Hoàn thiện quy định về chứng cứ tại khoản 1 điều 64 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

* Hoàn thiện quy định về rút quyết định truy tố tại điều 195 và Điều 221 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

3.2.2.3. Đối với Tòa án

* Bổ chế định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

* Hoàn thiện quy định về giới hạn xét xử tại Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

* Bổ quy định xử vắng mặt bị cáo tại khoản 2 điều 187 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

* Hoàn thiện quy định về đối đáp tại Điều 218 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003

3.2.3. Các giải pháp khác

* Nâng cao năng lực chuyên môn, nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, bản lĩnh chính trị, đạo đức của những cán bộ tư pháp, đặc biệt là những người THPT

* Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cơ quan, tổ chức và mỗi người dân về các quy định của PLTTHS liên quan đến nguyên tắc suy đoán vô tội, đặc biệt đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về nguyên

tắc suy đoán vô tội được quy định tại điều 31 Hiến pháp năm 2013 để mọi người dân, mọi cơ quan, tổ chức biết được quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền con người trong TTHS được thực hiện đúng Hiến pháp và pháp luật.

* Khắc phục những tồn tại trong áp dụng các quy định về quyền bào chữa

KẾT LUẬN

1. Nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS là thành tựu vĩ đại của văn minh pháp lý nhân loại trong việc bảo vệ quyền con người và là nguyên tắc không thể thiếu của TTHS trong Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Trong lịch sử PLTTHS Việt Nam, mặc dù suy đoán vô tội chưa được thừa nhận chính thức với tính chất là một nguyên tắc cơ bản của luật TTHS, tuy nhiên BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003 và đặc biệt là Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận những nội dung quan trọng của nguyên tắc suy đoán vô tội.

2. Trên cơ sở tiếp thu tinh hoa của nền tư pháp nhân loại, BLTTHS Việt Nam năm 2003 đã ghi nhận những nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội và thể hiện ở quy định về các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, ở quy định về các thủ tục tố tụng, hạn chế tối đa sự lợi dụng của các cơ quan THTT, người THTT vi phạm quyền con người.

3. Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật TTHS là một yêu cầu cấp thiết nhằm thực hiện đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do

nhân dân và vì nhân dân. Để đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật TTHS Việt Nam, phải quán triệt một cách sâu sắc để vận dụng đúng, đầy đủ và toàn diện các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo về cải cách tư pháp, đáp ứng cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm được thể hiện trong nội dung của các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Đảng và nhà nước đề ra.

4. Để đảm bảo nguyên tắc suy đoán vô tội, việc hoàn thiện PLTTHS phải được thực hiện theo hướng các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng phải rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng, tránh vi phạm, nhất là các quy định có liên quan đến cơ sở pháp lý của việc áp dụng các biện pháp điều tra, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, quyền hạn của CQĐT, VKS, Tòa án.

5. Các giải pháp hoàn thiện PLTTHS phải chú trọng việc tôn trọng và bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Việc xét xử tại các cấp xét xử phải công khai, minh bạch, tạo điều kiện tối đa cho việc kiểm tra, giám sát của xã hội đối với hoạt động xét xử của Tòa án.

Quy định các điều kiện cụ thể cho việc tổ chức Tòa án để xét xử theo nguyên tắc hai cấp xét xử có hiệu quả cao. Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, PLTTHS nhằm bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật TTHS.